

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động
đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam bao gồm: Góp vốn đầu tư; mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ và bằng đồng Việt Nam; chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài; chuyển vốn đầu tư cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng với các đối tượng sau:

1. Người cư trú là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
2. Người không cư trú tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam.
3. Người không cư trú là nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Nhà đầu tư nước ngoài” bao gồm: Người không cư trú là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam dưới các hình thức đầu tư trực tiếp theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư.
2. “Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài” là doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn để thành lập, quản lý doanh nghiệp và thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
3. “Ngân hàng được phép” bao gồm ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.
4. “Tổ chức tín dụng được phép” bao gồm ngân hàng được phép, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.
5. “Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp” là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam do doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh mở tại một ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và Thông tư này.
2. Việc góp vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phải được thực hiện thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.
3. Việc sử dụng lợi nhuận được chia của nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

4. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, văn bản hướng dẫn các Luật này, các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Việc chuyển tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện hoạt động tái đầu tư tại Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Góp vốn đầu tư

1. Nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện góp vốn đầu tư bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam theo mức vốn đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Người cư trú là nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được góp vốn đầu tư bằng nguồn ngoại tệ tự có hợp pháp.

Điều 6. Mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ và bằng đồng Việt Nam

1. Để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam tại 01 (một) ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại ngoại tệ lựa chọn để thực hiện góp vốn đầu tư.

Tương ứng với loại ngoại tệ lựa chọn để thực hiện góp vốn đầu tư, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ được mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại ngoại tệ đó để thực hiện góp vốn đầu tư.

3. Trường hợp thực hiện các khoản vay nước ngoài mà đồng tiền đi vay không tương ứng với đồng tiền mà doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sử

dụng để mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được mở thêm tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại đồng tiền đi vay tại ngân hàng được phép nơi đã mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp để thực hiện các giao dịch thu chi hợp pháp liên quan đến khoản vay nước ngoài và các giao dịch thu chi quy định tại Điều 7 Thông tư này.

4. Trường hợp có nhu cầu mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một ngân hàng được phép khác, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở, chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản này sang tài khoản mới. Thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp được thực hiện theo quy định của ngân hàng được phép.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ được thực hiện các giao dịch thu chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp mới mở sau khi đã đóng và tất toán tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở trước đây.

Điều 7. Sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp sau đây:

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu tiền góp vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- b) Thu tiền rút vốn bằng ngoại tệ từ các khoản vay trong nước và nước ngoài ngắn, trung, dài hạn của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- c) Thu tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư;
- d) Thu ngoại tệ từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài;
- đ) Các khoản thu hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

2. Các giao dịch chi:

- a) Chi trả tiền gốc, lãi, phí của các khoản vay trong nước và nước ngoài ngắn, trung, dài hạn bằng ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- b) Chi chuyển ngoại tệ sang tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài;

c) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép để chuyển vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài;

d) Chi chuyển tiền thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư;

đ) Chi chuyển lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi Việt Nam;

e) Chi chuyển vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi Việt Nam trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư, giảm vốn đầu tư hoặc kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

g) Các khoản chi hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 8. Sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp sau đây:

1. Các giao dịch thu:

a) Thu tiền góp vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

b) Thu lợi nhuận sau thuế được chia bằng đồng Việt Nam để thực hiện tái đầu tư tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

c) Thu tiền rút vốn từ các khoản vay trong nước ngắn, trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

d) Thu tiền rút vốn từ các khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phép vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật về vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

đ) Thu tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư;

e) Thu chuyển khoản từ tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép.